

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THỊ DIỄM

NGÔN TỬ NGHỆ THUẬT THƠ BÍCH KHÊ

Chuyên ngành : Văn học Việt Nam

Mã số : 60.22.34

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Đà Nẵng - Năm 2011

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: : **TS. NGUYỄN THÀNH**

Phản biện 1: **TS. PHAN NGỌC THU**

Phản biện 2: **TS. BÙI THANH TRUYỀN**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn thạc sĩ Khoa học Xã hội và Nhân văn họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

** Có thể tìm hiểu luận văn tại:*

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Trong thơ Việt Nam hiện đại, thơ Bích Khê tiêu biểu cho sự lựa chọn và đổi mới ngôn từ nghệ thuật. Tuy cuộc đời ngắn ngủi, nhưng thi nhân đã kịp cống hiến toàn bộ tinh anh của mình cho thơ ca. Bằng chất liệu ngôn từ độc đáo, Bích Khê đã tạo được chỗ đứng riêng biệt ở “*một thời đại trong thi ca*”. Đáng chú ý trên tiến trình vận động của Thơ mới, dù mang tâm thế cách tân nhưng thi nhân vẫn giữ được gốc rễ truyền thống. Hơn sáu mươi năm qua, lịch sử phê bình đã xác nhận những giá trị đích thực của thơ Bích Khê. Những đổi mới về quan niệm, thi pháp và bút pháp... là sự đóng góp to lớn của ông cho thơ Việt Nam hiện đại.

Khi khảo sát toàn bộ thơ ca của của Bích Khê, có thể thấy ông rất có ý thức cách tân thơ, ít nhất là về mặt hình thức. So với các tác giả trong phong trào Thơ mới, ông đã tạo ra một bước rẽ về mặt biểu đạt trong tiến trình thơ ca hiện đại. Chính vì sự trau chuốt, luyện từng con chữ mà thơ Bích Khê thật đẹp, thật sang trọng, tràn ngập nhạc điệu và màu sắc góp phần làm đẹp thêm Tiếng Việt.

L luận văn này xuất phát từ ngôn ngữ, cố gắng nêu lên một số đặc sắc trong nghệ thuật ngôn từ của thơ Bích Khê.

2. Lịch sử vấn đề

Trước năm 1945:

Cuối năm 1939, Tinh huyết của Bích Khê ra đời, Hàn Mặc Tử nhận xét, đó là : "*Một bông hoa lạ nở hương, một thứ hương quý trọng, thơm đủ mùi phước lộc. Một đóa hoa thần dị...*". [45]

Tháng 11/1941, Hoài Thanh - Hoài Chân trong "*Thi nhân Việt Nam*" đã nhận định Bích Khê có "*những câu thơ hay vào bậc nhất trong thơ Việt Nam*". [43].

Từ 1945 đến nay:

Trong *Phong trào thơ mới*, Phan Cự Đệ đã nêu lên những đặc điểm nổi bật của thơ Bích Khê, đặc biệt là sự ảnh hưởng của chủ nghĩa tượng trưng trong thơ Bích Khê.

Năm 1988, khi đề tựa cho tập *Thơ Bích Khê*, Chế Lan Viên cho rằng thơ Bích Khê là "*đỉnh núi lạ*" trong phong trào Thơ mới.

Trong *Con mắt thơ*, nhà phê bình Đỗ Lai Thuý đã xem thơ Bích Khê là "*Sự thức nhận ngôn từ*" [44].

Trong *Thơ Mới – những bước thăng trầm*, giáo sư Lê Đình Kỵ đã có đánh giá rất xác đáng về thơ Bích Khê khi đặt trong mối tương quan với các nhà thơ trong Trường thơ Loạn.

Trong *Tinh hoa Thơ mới – thẩm bình và suy ngẫm*, Chu Văn Sơn thẩm bình bài thơ Nhạc của Bích Khê trên nền tảng của tư duy tượng trưng.

Trong bài viết *Ba khúc ca ngắn về Bích Khê*, nhà thơ Thanh Thảo đã chỉ ra những đóng góp nổi bật của Bích Khê trong phong trào Thơ mới.

Bàn về ngôn ngữ thơ Bích Khê, có các bài viết: *Bích Khê – nhà thơ đỉnh cao của nghệ thuật ngôn từ* của Đặng Thị Bích Phượng và “*Về nghệ thuật ngôn từ thơ Bích Khê*” của Trịnh Sâm.

Hầu hết các công trình nghiên cứu về thơ Bích Khê đã đi sâu vào một số bình diện thuộc bút pháp, thi pháp hoặc phong cách, nhưng chưa có công trình thật sự chuyên sâu về ngôn ngữ thơ Bích Khê. Với đề tài “*Ngôn từ nghệ thuật thơ Bích Khê*”, chúng tôi mong muốn trên cơ sở kế thừa, tiếp thu những nghiên cứu trước đây để tìm hiểu sâu hơn về ngôn ngữ thơ Bích Khê.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Luận văn khảo sát toàn bộ thơ Bích Khê được in trong hai tập *Tinh huyết* và *Tinh hoa*. Từ đó, chúng tôi tập trung nghiên cứu các bình diện thuộc ngôn từ thơ Bích Khê, bao gồm: tư duy thơ, các hình thức liên tưởng, so sánh, cấu trúc câu thơ, thể thơ và các yếu tố tạo nhạc tính như vần, nhịp... Những bình diện này góp phần nhận diện phong cách thơ Bích Khê, đồng thời ghi nhận những nỗ lực cách tân của ông trong Thơ mới, cũng như trong thơ ca hiện đại Việt Nam.

4. Phương pháp nghiên cứu

Khi thực hiện luận văn này, chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu cơ bản sau đây:

- Phương pháp thống kê, phân loại
- Phương pháp phân tích, tổng hợp
- Phương pháp so sánh, đối chiếu

Về lý thuyết, chúng tôi sử dụng lý thuyết thi pháp học.

5. Đóng góp của luận văn

Nghiên cứu về ngôn từ nghệ thuật thơ Bích Khê, chúng tôi mong muốn chỉ ra những nét độc đáo trong nghệ thuật sử dụng ngôn từ, từ đó góp phần nhận diện phong cách thơ Bích Khê.

Ngoài ra, đề tài còn góp phần làm nổi bật thêm những đóng góp tích cực của Bích Khê trong tiến trình hiện đại hóa thi ca Việt Nam giai đoạn 1932 – 1945.

6. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận và tài liệu tham khảo, nội dung luận văn tập trung 3 chương:

Chương 1: Bích Khê trong tiến trình Thơ mới 1932 – 1945

Chương 2: Ngôn từ nghệ thuật thơ Bích Khê qua tư duy thơ

Chương 3: Ngôn từ nghệ thuật thơ Bích Khê qua các phương thức tạo nhạc tính

Chương 1

BÍCH KHÊ TRONG TIẾN TRÌNH THƠ MỚI 1932 - 1945

1.1. Cuộc đời và hành trình thơ Bích Khê

1.1.1. Cuộc đời

Bích Khê sinh năm Bính Thìn (1916) tại Quảng Ngãi, trong một gia đình giàu truyền thống yêu văn chương. Bích Khê bắt đầu sáng tác văn chương từ rất sớm, năm mười hai tuổi đã có những bài thơ đầu tay được viết theo thể Đường luật, mang đậm dấu ấn truyền thống.

Năm 1936, ông mắc bệnh lao phổi – một trong tứ chứng nan y lúc bấy giờ. Trong hai năm 1938 – 1939, Bích Khê đã dồn hết tinh lực để hoàn thành tập thơ đầu của mình – tập *Tinh huyết* (ra đời vào cuối năm 1939).

Giữa năm 1942, bệnh trở nặng, Bích Khê từ già cỗi đời vào ngày 17.1.1946, lúc này ông mới tròn ba mươi tuổi.

1.1.2. Hành trình thơ Bích Khê

Mặc dù đời thơ ngắn ngủi, nhưng chúng ta có thể chia tiến trình sáng tác của Bích Khê ra ba giai đoạn như sau:

- *Giai đoạn “thơ cũ”*

Sáng tác thời kỳ đầu (từ 1931 đến 1936) của Bích Khê là thơ Đường luật và thể thơ hát nói - phần lớn cho ca trù, đăng trên các báo *Tiếng Dân*, *Tiểu thuyết thứ Năm*, *Người mới*... Chịu ảnh hưởng tư tưởng “*ưu thời mãn thế*” của văn chương đầu thế kỷ XX, những sáng tác của Bích Khê trong giai đoạn này hầu hết đều đề cập đến nỗi buồn trước thời cuộc.

- Giai đoạn *Tinh huyết*

Với *Tinh huyết*, Bích Khê đã làm một cuộc thử nghiệm mới đầy táo bạo, tạo một dòng riêng trong mạch nguồn Thơ mới. Tập thơ tiêu biểu cho nỗ lực của Bích Khê trên con đường tiếp thu một số đặc tính của văn hóa thi ca phương Tây đương thời vào thơ tiếng Việt. Ở *Tinh huyết* có thể thấy một vài đặc điểm của chủ nghĩa hiện đại Âu châu, rõ nhất là những biểu hiện tượng trưng, siêu thực, trong cách cảm nhận và thể hiện của nhà thơ. Từ đây, “*Bích Khê giã từ con sông dù sao vẫn êm ả của thơ cũ để nhảy vào dòng xoáy của thơ mới*” [34, tr. 22].

Lối sáng tác của khá nhiều bài trong *Tinh huyết* là lối sáng tác tượng trưng, thường dựa vào liên tưởng, cuồng tưởng, ám thị, trực giác, thể hiện những cảm quan phi thực tại, siêu thực tại, và hiển hiện ra bằng những dòng thơ đầy nhạc tính: “*Ai xây bờ xanh trên xương người/ Ai xây mồ hoa chôn đời tươi*” (*Hoàng hoa*)

- Giai đoạn *Tinh hoa*

Nếu *Tinh huyết* là cuộc phiêu lưu, tìm tòi, thử nghiệm với nhiệt thành tuổi trẻ, thì *Tinh hoa* là cuộc quay về với truyền thống, thể hiện độ chín chắn trong tâm hồn lẫn nghệ thuật của Bích Khê. “*Tinh hoa là một cuộc trở về: trở về với truyền thống cùng những âm hưởng quen thuộc, nhưng cấu trúc không hoàn toàn như cũ; trở về với cách nghĩ, điệu cảm quen thuộc nhưng với một tâm trạng con người thời đại mới*” [34, tr. 25]. Trong sự kết hợp Đông – Tây, nếu trước kia ảnh hưởng của phương Tây có phần mạnh hơn, thì bây giờ yếu tố phương Đông trở lại, tạo ra sự hài hòa trong nội dung cũng

như trong hình thức. Ta bắt gặp trong *Tinh hoa* những vãn thơ thật đẹp, thật trau chuốt:

Đường kiến trúc nhịp nhàng theo điệu mới

Của lời thơ lóng lánh. Đẹp hạt châu

Hạt châu trong ngời nhỏ giọt vô lòng

Tràn âm hưởng như chiều thu sóng nắng

(*Duy tân*)

1.2. Quan niệm về thơ của Bích Khê

Một trong những thành tựu mà phong trào Thơ mới đã mang lại, đó là quan niệm về thơ. Tìm hiểu những quan niệm về thơ của các tác giả: Thế Lữ, Xuân Diệu, nhóm Xuân Thu nhã tập, trường thơ Loạn... để làm nổi bật sự phong phú, đa dạng về quan niệm thơ trong giai đoạn 1930 - 1945.

Với Bích Khê, tuy không có tuyên ngôn rõ ràng, nhưng nhà thơ tỏ rõ quan niệm sáng tác của mình trong hai bài *Duy tân* và *Xuân tượng trưng (Tinh hoa)*. Với ông, thơ phải là “*đường kiến trúc nhịp nhàng theo điệu mới*”, lời thơ phải “*lóng đẹp hạt châu trong*”. Thơ phải là tổng hợp của các bộ môn nghệ thuật như: âm nhạc, hội họa, nhiếp ảnh, điêu khắc, vũ đạo..., phải là “*một hỗn độn đẹp xô bồ say dậy*”. Bích Khê làm thơ không phải chỉ với nhu cầu bày tỏ những cảm xúc cá nhân mà làm thơ là để đi đến cái đích làm cho thơ đẹp hơn, chân xác hơn và đầy đủ hơn bằng cách vận dụng tất cả những gì thuộc về nghệ thuật nhằm phác họa chân dung của thơ.

1.3. Ảnh hưởng của chủ nghĩa tượng trưng và siêu thực trong Thơ mới và thơ Bích Khê

1.3.1. Vài nét về chủ nghĩa tượng trưng và chủ nghĩa siêu thực

. *Chủ nghĩa tượng trưng* là khuynh hướng nghệ thuật xuất hiện ở một số nước châu Âu vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Cơ sở lý thuyết của CNTT bắt nguồn từ triết học duy tâm của Sôpenhaoo và Harman. Các yếu tố then chốt của CNTT là: trực giác, âm nhạc và trữ tình.

. *Chủ nghĩa siêu thực* là khuynh hướng văn nghệ tiền phong chủ nghĩa ra đời ở Pháp vào khoảng những năm 10 - 20 của thế kỷ XX. Cơ sở triết học của CNST là học thuyết trực giác của Becxông và phân tâm học Phrốt. Những nguyên tắc mỹ học là: hướng về thế giới vô thức, đề cao cái ngẫu hứng, vứt bỏ sự phân tích lôgic, hướng tới sự hồn nhiên, trẻ thơ, trạng thái mê sáng...

1.3.2. Ảnh hưởng các yếu tố tượng trưng và siêu thực trong phong trào Thơ mới

Phong trào thơ mới quy tụ một lực lượng trí thức Tây học trẻ, táo bạo, có tâm huyết, muốn ứng dụng những thi pháp hiện đại phương Tây vào thi ca Việt Nam. Cuộc gặp gỡ với văn học Pháp đã mang lại cho thơ ca Việt Nam vẻ đẹp mới với nhiều giọng điệu, phong cách, trường phái khác nhau.

Xuân Diệu, Huy Cận, Đoàn Phú Tứ học được ở Baudelaire “*nghệ thuật tinh vi*”, cách sáng tạo những bản nhạc huyền diệu bằng sự liên tưởng tinh tế, sự hòa hợp tương giao giữa âm thanh, màu sắc hương vị. Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, hai thành viên của trường thơ Loạn đã viết nên những vần thơ kỳ ảo, kinh dị, ma quái từ cái siêu

thăng của tâm hồn. Lưu Trọng Lư tìm thấy giai điệu dịu dàng, trong sáng, mênh mông, hư ảo, huyền hồ trong thơ Verlaine.

Quan niệm “*tương ứng cảm quan*” của Baudelaire ảnh hưởng sâu đậm trong nhiều sáng tác của các nhà Thơ mới. Họ đã phối ứng lại thế giới tự nhiên theo những chiều kích khác nhau. Bích Khê tận hưởng trong điệu nhạc cái hương vị “*mát như xuân và ngọt tựa hương*” hay ngây ngất đê mê trong không gian ảo, trộn hòa muôn hương sắc, nó dẫn dắt hồn thi sĩ lạc vào vùng mộng tuyết, bến xa khơi. Huy Cận “*đi giữa đường thơm*” đã cảm thâu “*trong không khí...hương với màu hòa hợp*”. Hàn Mặc Tử khi tan biến vào ánh trăng định mệnh đã ngửi thấy mùi hương mê hoặc...

Thơ mới đã nhún mạnh thêm một bước trên con đường chinh phục âm nhạc hiện đại cho thơ. Âm nhạc trong các sáng tác của các nhà thơ mới được thể hiện muôn hình vạn trạng như thế giới tâm hồn đa dạng của thi nhân. Đây là một cách tân lớn trong sự thể hiện cảm xúc và quan niệm thẩm mỹ của thơ ca Việt Nam.

1.3.3. Ảnh hưởng của chủ nghĩa tượng trưng và siêu thực trong thơ Bích Khê

Bích Khê tiếp thu chủ nghĩa lãng mạn, nhưng khi bắt tay vào làm thơ, ông đã có ý thức muốn cách tân thơ bằng cách chọn cho mình lối biểu đạt tượng trưng.

Bằng trực giác tinh tế, trí tưởng tượng phong phú, Bích Khê đã tạo ra một thế giới đầy màu sắc, âm thanh, hình ảnh... Ở đó, có mối tương giao, hòa quyện chặt chẽ giữa thiên nhiên và con người: “*Nàng hé môi ra. Bay điệu nhạc/ Mát như xuân mà ngọt tựa hương*”.

Nhạc tính trong thơ Bích Khê có sức lan tỏa rộng lớn, vang vọng, làm lay động tâm hồn người đọc. Ngôn ngữ thơ của ông giàu nhạc điệu, biến hóa qua nhiều sắc thái bất ngờ, diễn tả tinh tế nhiều cung bậc của cảm xúc. Nhạc trong thơ Bích Khê là thể giới huyền diệu - một thể giới thăng hoa được kết tụ bằng hương thơm, màu sắc và ánh sáng, được cảm nhận trong niềm hoan lạc vô biên.

Các yếu tố huyền ảo, siêu thực trong thơ tượng trưng đã được Bích Khê thể hiện qua hàng loạt các bài thơ trong tập thơ *Tinh huyết* (*Duy Tân, Tranh loã thể, Giò trút linh hồn*). Có thể nói, hình ảnh Rimbaud, cú pháp Mallarmé, kiến trúc và triết lý của Valéry đã tạo dựng cho Bích Khê một thứ “thơ vàng ròng” đậm tính tượng trưng... Ba yếu tố tượng trưng, huyền diệu, truy lục của tập thơ *Tinh huyết* đã làm cho Bích Khê trở thành một cây bút khác hẳn với khuynh hướng lãng mạn đương thời.

1.4. Đóng góp của Bích Khê trong phong trào thơ Mới

Với *Tinh huyết* và *Tinh hoa*, Bích Khê đã có những cách tân nghệ thuật táo bạo, tạo ra những vẻ đẹp “kì dị” cho thơ. Bằng vật liệu ngôn từ, Bích Khê đã xây nên tòa thơ lộng lẫy, mang trong mình những nét huyền ảo, thiêng liêng, mộng say.

Bích Khê đã có quan niệm rất mới về cái đẹp. Với sự ảo hóa của ngôn từ, Bích Khê đã xóa nhòa ranh giới giữa cái đẹp với cái xấu xa. Bài thơ “*Tụng ca sắc đẹp*” đã thể hiện rất rõ quan niệm thẩm mỹ mới lạ này của nhà thơ: “*Nàng từ trên trời bay xuống hay từ vực thẳm hiện lên/ Ôi! Sắc đẹp! Đôi mắt nàng quý quái và thần tiên*”.

Với cách cảm thụ thế giới bằng sự rộng mở của các giác quan, trực giác và trí tưởng tượng, đã đem đến trong thơ Bích Khê những lối so sánh, ẩn dụ bất ngờ và táo bạo: “*Nàng ơi! Tay đêm đang giăng mềm/ Trăng đan qua cành muôn tay êm*”.

Để tạo ra nhạc điệu cho thơ, Bích Khê đã có những cách tân khá táo bạo về mặt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp... Các yếu tố đó được ông tổ chức một cách có dụng ý để tạo nên sự cộng hưởng nhịp nhàng giữa âm thanh và ý nghĩa. Nhạc điệu ấy là sự thăng hoa, cộng hưởng của tâm hồn con người.

Chương 2

NGÔN TỪ NGHỆ THUẬT THƠ BÍCH KHÊ

QUA TƯ DUY THƠ

2.1. Ngôn từ gợi giác quan

2.1.1. Từ ngữ chỉ màu sắc

Có thể nói, trong địa hạt thơ, Bích Khê là một họa sĩ bằng ngôn từ. Cách pha màu trong thơ Bích Khê là sự giao thoa giữa các vùng cảm xúc tạo nên một thần sắc riêng. Có lúc, đó là gam màu tươi sáng của thiên nhiên. Có lúc, đó là gam màu trầm buồn của sự hụt hẫng, chơi vơi... Những lớp màu sắc như được Bích Khê quét đè lên nhau, bóc tách lớp màu này, người đọc lại lạc vào cõi màu khác với những cấp độ khác nhau.

Bích Khê định màu sắc cho sự vật, tâm trạng một cách rất linh hoạt: màu của nỗi buồn (*óm lá hoa tàn*), màu của cái chết (*trắng thủy tinh*), màu ái ân (*vú nõn, suối sữa trắng*); màu sắc thiên nhiên (*lá vàng, trắng vàng, hoa vàng, đêm vàng...*). Màu sắc trong thơ Bích Khê luôn luôn biến đổi theo trạng thái của cảm xúc: *mộng rất xanh, mộng trắng phau phau*. Sự cụ thể hóa của thi nhân nhiều khi gây cảm giác có thể sờ mó, ném, ngửi được cái vô hình.

Như vậy, việc hữu hình hóa, hiện thực hóa cái vô hình, cái trừu tượng là nền tảng để Bích Khê đi vào khía cạnh hội họa trong thơ thông qua ngôn từ chỉ màu sắc. Cái nhìn nhất thể hóa thị giác biến cái ảo thành cái thực, dẫn thực tế nhập vào những cơn mơ mộng, nói đến chiêm bao như một vật có thể sờ mó được trong trạng

thái tính mê lẫn lộn. Điều này góp phần mở ra địa hạt huyền diệu trong bức tranh ngôn từ thơ Bích Khê.

2.1.2. Từ ngữ gợi cảm giác

Việc tạo ra hình thức ngôn ngữ tác động trực tiếp vào giác quan và gợi cảm giác là một sáng tạo khá phổ biến ở các nhà Thơ mới, trong đó Bích Khê là trường hợp tiêu biểu.

Hình thức ngôn ngữ trong thơ Bích Khê hết sức linh hoạt. Những từ gợi cảm giác xúc giác, khứu giác, vị giác được ông sử dụng với mục đích cái không nhìn thấy có thể lộ ra như những vật có thể cầm nắm, sờ hoặc có thể ngửi được. Bích Khê đã vén bức rèm cổ điển, xếp lại những thơ mộng để chạm vào thế giới thực.

Anh tính ôm chầm lấy mắt thơ

Lấy môi lấy má... lấy ngậy thơ

Để anh nút ón mùi hương ấm

Của một tình yêu giận hờn chờ

(Ảnh ậy)

Cảm giác trong thơ Bích Khê là khâu chuỗi của thị giác, xúc giác, thính giác, vị giác hòa trộn. Đó là thứ hương thơm vừa trần tục vừa thanh khiết, tạo ra những liên tưởng đầy bất ngờ. Hương thơm không chỉ được cảm nhận bằng khứu giác “*nức*”, “*thom tho*” mà bằng cả thị giác “*đường thom*” và thính giác “*điệu êm*”. Không hề đơn điệu, yếu tố gợi cảm giác trong thơ Bích Khê biến không thành có, biến cái hữu hình thành cái vô hình. Bích Khê đã khai thác một cách triệt để cảm quan tương hợp trong thơ Baudelaire. Sự sáng tạo

ngôn từ đi liền với cảm quan tương hợp ấy đem lại cho ngôn từ của thơ ông khả năng gợi cảm đặc biệt.

2.2. Những biểu hiện đặc biệt của hình thức tổ chức ngôn từ nghệ thuật

2.2.1. Liên tưởng mang tính trực giác và thần cảm

Bích Khê đã tạo được nét độc đáo cho thơ thông qua những liên tưởng mang tính trực giác và thần cảm. Thế giới trong cách cảm nhận của thi nhân không chỉ là một thế giới nhìn thấy mà là thế giới được - nhận - ra với những điều sâu thẳm và bí ẩn: “*Có người buồn quá không sao khóc/Làm mùi thanh khí quỳên tiên nương/Có người buồn quá không sao khóc/Cười thom như ngọc đội hương vang*” (*Sầu lãng tử*).

Trong thơ Bích Khê, người đọc bắt gặp nhiều dạng liên tưởng đầy ngẫu hứng, tự do, phi logic và linh hoạt:

*Tình tôi sống vì ăn nhiều ánh sáng
Nao nao quá; hồng thom vì ứng rạng
Quả nhân duyên mùi mẫn vị phong trần
(Nàng bước tới)*

Việc vượt ra ngoài những quy chuẩn bó hẹp trong phạm vi cái tương đồng hay tiếp cận, đã dẫn dắt trí tưởng tượng của nhà thơ đi đến những hình ảnh hết sức xa lạ so với điểm xuất phát ban đầu. Với những liên tưởng mang tính trực giác và thần cảm, Bích Khê đã “*hợp thức hóa*” những thứ phi vật thể thành thế giới của riêng mình. (*Nàng bước tới như sông trăng chảy ngọc/ Như nắng thom hóp đặc cả nguồn hương*). Việc cụ thể hóa nắng thành “*nắng thom*”, nhạc thành

“nhạc tơ mềm”, “áo ảnh thơm”... mở ra trường liên tưởng đầy thú vị và bất ngờ. Sự sáng tạo ấy góp phần mở ra địa hạt huyền diệu góp phần chinh phục người đọc bao thế hệ.

2.2.2 Hệ thống biểu tượng trùng phức

Bỏ qua những biểu tượng thường gặp, Bích Khê mang đến một hệ thống biểu tượng trùng phức với một sức sáng tạo độc đáo. Đó là, sọ người, đồ mi hoa, tỳ bà, Ngũ Hành Sơn... xuất hiện với tần số dày đặc và trở thành biểu tượng nghệ thuật trong thơ ông. Bích Khê vừa cải tạo ý nghĩa của các biểu tượng truyền thống vừa tạo ra các biểu tượng mới. “Sọ người” không tạo cho người đọc cảm giác rờn rợn thường thấy mà là biểu tượng đa phân, là biểu tượng của hồn thơ, buông xuân, bình vàng, chén ngọc, hồ nguyệt, trăng...” *Đồ mi hoa*” không chỉ là biểu tượng cho người con gái đẹp mà còn là biểu tượng của sự thanh khiết, cao quý. Hình tượng “*kẻ ăn mày*” trong thơ Bích Khê thật kiêu bạc, ngạo nghễ, xin hương trời đất, xin nắng pha chút âm thanh để “*Thổi chữ gấm bằng khí điền cuồng vọng*”.

Sự đan xen giữa cái cụ thể và trừu tượng khiến cho biểu tượng trong thơ Bích Khê mang một ý nghĩa mới. “*Đó là tư duy bằng liên tưởng, bằng ẩn tượng, cảm giác, bằng âm thanh, nhịp điệu, biến cái trừu tượng thành cụ thể, nối dài cái cụ thể bằng cái trừu tượng...*” [11, tr 77.

Bích Khê đã vận dụng tinh thần phát minh trong thơ một cách sáng tạo thông qua những biểu tượng trùng phức, đẩy ngôn từ sang một địa hạt hư huyền. Trên nền của quy ước cũ nhưng ở Bích Khê lại có hướng phát triển khác, mới mẻ hơn. Chính điều này đã góp phần tạo nên sự khác lạ, độc đáo trong thơ Bích Khê.

2.2.3. *Phép so sánh đa chiều*

Cái so sánh và cái được so sánh trong thơ Bích Khê là một địa hạt hoàn toàn mới lạ. Bởi thi nhân khai thác một cách triệt để hiện tượng phi logic để tạo nên một sự hợp lý, buộc người đọc chấp nhận nó bằng tâm trạng hiếu kỳ. Thế giới nghệ thuật thơ Bích Khê đầy ắp những hình ảnh so sánh tân kỳ, lạ lẫm, đầy yếu tố bất ngờ. Miêu tả sự hụt hẫng, Bích Khê không đi vào phạm trù từ ngữ quen thuộc mà gọi tên hiện tượng ấy bằng “*Mộng rớt đêm nay như chất ngọc*”. Sự trúc trắc trong ngữ nghĩa so sánh càng tạo nên hiệu ứng đa chiều, gây ấn tượng mạnh đối với người đọc.

Cái so sánh và cái được so sánh được Bích Khê sử dụng là hai phạm trù hoàn toàn không trùng khớp với nhau. Việc nhất thể hóa các hiện tượng so sánh khiến câu thơ của thi nhân được dồn đầy nhiều tầng nghĩa trong một thể thống nhất. (*Buồn sao muốn khóc cho ra tiếng/ Nước mắt tương tư (như) phả điệu đàn*)

Những hình ảnh Bích Khê chọn làm đối tượng so sánh cũng rất đặc biệt:

*Sao tôi thấy vẻ gì như **sắt đá**
 Trên tay tôi êm ái tựa đàn tơ
 Sao tôi cảm vẻ gì như **bài thơ**
 Hợp tình khí chảy ra thành chất ngọc
 Sao tôi ngắm vẻ gì như **chất độc**
 Máu ngừng ru mà hồn thoát lên cao*

(*Trái tim*)

Để tạo nên sự đa chiều khi sử dụng biện pháp so sánh, Bích Khê đã khéo léo giấu đi một hoặc vài yếu tố so sánh truyền thống để đạt được hiệu quả nghệ thuật cao. (*Nàng bước tới như sông trăng chảy ngược/Như nắng thom hóp đặc cả nguồn hương*)

Ngoài ra, việc tinh giản các yếu tố trong biện pháp so sánh càng làm cô đọng ý mà thi nhân gửi gắm. (*Hỡi đôi mắt! hồ thủy tinh trong suốt/ Soi trần gian, địa ngục vạn đời ma*).

Khi Bích Khê triển khai so sánh theo các quy luật nghệ thuật bên trong tạo ra việc xuất hiện một loại ẩn dụ mâu thuẫn logic với hiện thực bề mặt, với ý nghĩa vật thể của các từ nằm cạnh nó. Từ đó, chúng tạo nên điểm nhấn vào sự khấp khểnh, mặt khác còn tạo ra nhiều cách đoán hiểu, gieo những ấn tượng huyền ảo, siêu hình.

2.2.4. Cấu trúc câu đặc biệt

Bích Khê được xem là thi sĩ sử dụng nhiều thủ pháp cắt dán trong thơ. Đó là phương pháp cắt dán của hội họa hiện đại: đặt nhưng yếu tố hoàn toàn khác nhau cạnh nhau để tạo ra hiệu ứng thẩm mỹ mới lạ. Cấu trúc câu đặc biệt trong thơ Bích Khê thể hiện ở hai dạng: cấu trúc gián đoạn và hiện tượng phi trật tự tuyến tính. *Tỳ bà* là một trong những bài thơ có cấu trúc gián đoạn rõ rệt: *Thu ôm muôn hồn chơi phiêu diêu/ Sao tôi không màng kêu: em yêu/ Trăng nay không nàng như trăng thiu/ Đêm nay không nàng như đêm hiu*". Việc phá vỡ cấu trúc kết nối thông thường đã là một điểm lạ, lại thêm xu hướng phá vỡ cấu trúc ngữ pháp truyền thống khiến cho thơ Bích Khê càng thêm mới lạ so với các nhà thơ đương thời.

Hiện tượng phi trật tự tuyến tính trong thơ Bích Khê là sự thể nghiệm táo bạo: không có sự liên hệ rành mạch giữa các con chữ, liên hệ tuyến tính cũng bị xóa. Hiện tượng đó diễn ra có khi trong cùng một bài, một đoạn và cũng có khi chỉ bó hẹp trong một câu, *Duy tân* là bài thơ tiêu biểu:

Buồn và xanh trời. (Tôi trôi với bờ

Êm biếc- khói với thu: lời úa ngô

Vàng.. khi cách biệt- giữa hồn xây mộ-

Tình hôm qua- dài hôm nay thương nhớ

Cấu trúc câu đặc biệt tạo ra những khoảng trống giữa các câu, để người đọc lấp ghép, kết nối theo thiên hướng cảm thụ riêng. Và có thể thấy, với cấu trúc ấy, Bích Khê biến những tác phẩm của mình thành một cấu trúc mở. Người đọc sẽ tự mở ra cho mình một biên độ, một cảm thụ.

Chương 3

NGÔN TỪ NGHỆ THUẬT THƠ BÍCH KHÊ QUA CÁC PHƯƠNG THỨC TẠO NHẠC TÍNH

3.1. Nhịp điệu

Từ *Tinh huyết* đến *Tinh hoa*, Bích Khê đã thử nghiệm rất nhiều thể loại như lục bát, song thất lục bát, ngũ ngôn tứ tuyệt, bát cú... đến các thể thơ của phong trào Thơ mới như 5 chữ, 7 chữ, 8 chữ. Có thể thấy, yếu tố nhịp điệu, tiết tấu được Bích Khê áp dụng nhiều trong thể loại của phong trào Thơ mới. Bích Khê tạo ra các hình thức nhịp điệu rất đa dạng và phong phú:

Ngắt nhịp 4/3:

*Mây trắng bay về/ núi Thạch chưa?
Chùa Ông chim hót/ ở ngoài mưa
(Chùa Ông Thu Xà)*

Ngắt nhịp 2/3:

*Ngày xuân/ ai chẳng lại
Chơi xuân/ một nhành mai
(Tinh xuân)*

Nhịp 3/2/3 và 3/3/2 ở thể thơ 8 tiếng:

*Không gian to/ không gian to/ gợn sóng
Âm thanh gì/ sắp sửa/ ngọc kiều ơi
Hay hơi thở/ của hoa hồng/ mơ mộng
Hay buồn đêm/ rào rạt/ ứ muôn nơi
(Mộng)*

Sự biến tấu trong nhịp điệu của Bích Khê thiên hình vạn trạng, không hề bó hẹp theo một quy tắc nào cả, tạo âm hưởng tự do, khoáng đạt. Chính sự uyển chuyển ấy góp phần thể hiện nhịp điệu phong phú trong tâm hồn, tình cảm con người.

3.2. Điệp từ, điệp ngữ

Với việc sử dụng điệp từ, điệp ngữ, Bích Khê đã tạo nên một phương tiện hữu hiệu để đi đến tận cùng của bến nhạc thần kỳ. Có thể thấy sự trùng điệp của phương pháp điệp từ, điệp ngữ đã tạo nên một phương tiện kết dính các dòng thơ lại với nhau thành một đơn vị thống nhất, vừa tạo điều kiện cho trí nhớ, vừa tạo nên vẻ đẹp trùng điệp cho ngôn ngữ thơ:

*Mưa hoa rụng, mưa hoa xuân rụng
Mưa xuống lâu, mưa xuống thêm lan;
Mưa rơi ngoài nẻo dặm ngàn
Nước non rả rích giọng đàn mưa xuân*

(Tiếng đàn mưa)

Việc lặp lại cấu trúc lục bát kết hợp thể thơ 7 chữ tạo nên độ ngân của nhạc tính.

Có thể thấy loại câu tương đồng là một trong những yếu tố chủ đạo trong việc tạo nhạc tính của thơ Bích Khê. Loại câu thơ tương đồng này có nhiều tiết tấu mới lạ cho phép tầng tầng, lớp lớp cảm xúc chất chồng lên nhau, giá trị biểu cảm của câu thơ sẽ mạnh mẽ và dễ gây ấn tượng hơn: “*Bụi hồng cách với hoa đào/Bụi hồng cách mấy hoa đào nẻo xưa*” hay: “*Sông Ngân cách mấy sông Tương/Sông Ngân cách với sông Tương mấy trời!*”.

Bích Khê vận dụng chúng thậm chí ngay cả trong thể thơ truyền thống nhưng vẫn không phá vỡ sự đặc trưng của thể loại: “*Bụi hồng cách với hoa đào/ Bụi hồng cách mấy hoa đào nẻo xưa*”.

Không chỉ sử dụng câu thơ tương đồng cặp âm theo chiều dọc, Bích Khê còn vận dụng phương pháp đồng âm vận cặp đôi theo chiều ngang:

*Ta những muốn sầu thương thôi biểu lộ
Sắc trong màu, màu trong sắc; hân hoan...
Ta những muốn mùa đông nhường lại chỗ
Nhạc gảy hương, hương gảy nhạc, lan man
(Đồ mi hoa)*

3.3. Vận

Trong tập thơ *Tinh huyết* của Bích Khê, tỷ lệ câu thơ toàn vận bằng chiếm số lượng lớn so với các nhà Thơ mới cùng thời như Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử... Qua đó cho thấy sự hòa thanh, phối điệu trong thơ Bích Khê đã vượt ra ngoài chuẩn mực truyền thống so với các tác giả cùng thời, cùng trường phái hoặc gần về phong cách. *Tỳ bà* là một trong những đỉnh cao của nhạc tính mà Bích Khê tạo ra bằng ngôn từ:

*Vàng sao nằm im trên hoa gầy
Tương tư người xưa thoi qua đây
Ôi! Nàng năm xưa quên lời thề
Hoa vừa đưa hương gầy đê mê*

Bích Khê đã đẩy lùi ngữ nghĩa xuống bình diện thứ hai mà chú trọng đến sự lặp lại về ngữ âm, đẩy chúng lên thành một biện pháp nghệ thuật, gây sự tác động thẩm mỹ, trước hết là về nhạc tính đối với người đọc. Để tạo nên nhạc tính trong thơ, ngoài việc sử dụng quyền năng của thanh bằng, Bích Khê còn chú trọng đến các biện pháp hòa âm. Đó là điệp phụ âm đầu, điệp vần tạo cảm giác lan truyền: “*Nhẹ nhàng, nhịp nhàng thở đều trong sương*”, “*Tình tang tôi nghe như tình lang*”.

Nhạc tính trong thơ Bích Khê không chỉ là kỹ xảo của ngôn từ mà còn là tiếng nhạc trong tâm hồn với muôn ngàn cảm xúc thiết tha, cháy bỏng của thi nhân.

KẾT LUẬN

Đồng hành cùng dòng chảy Thơ mới, Bích Khê đến với thơ bằng nỗ lực sáng tạo ngôn từ về nhiều mặt, từ việc mở rộng câu thơ, đến việc đi vào chiều sâu bằng cấu trúc, cú pháp mới. Bằng sự trau chuốt, gọt giũa một cách tỉ mỉ từng con chữ, Bích Khê đã tạo nên những vần thơ đẹp như châu, như ngọc, đầy sự sang trọng và tôn quý.

Được biểu hiện bằng ngôn từ đẹp, giàu hình ảnh, thơ Bích Khê đã đưa người đọc đến thế giới của ảo mộng, hư huyền. Với lối sử dụng ngôn từ hàm súc, giàu hình ảnh đã mở ra trong tâm trí người đọc một thế giới kỳ diệu. Thế giới ấy tràn ngập màu sắc tươi đẹp, lung linh muôn ngàn hình ảnh thanh khiết và réo rắt thanh âm du dương, trầm bổng. Thi nhân đã chiêu tuyết, thăng hoa đến tột cùng vẻ đẹp của cuộc sống, của tâm hồn người, của ước mơ về thế giới bên trên cuộc sống thông qua ngôn ngữ thơ giàu hình ảnh, đầy sức ám gợi.

Thế giới nghệ thuật trong thơ Bích Khê là một cấu trúc thế giới mang tính tượng trưng. Nhà thơ luôn mở rộng các giác quan tinh tế để cảm nhận thế giới, khám phá những bí ẩn hàm chứa trong sự vật. Bích Khê sử dụng ngôn ngữ thơ thật trau chuốt, đầy âm hưởng, tạo ra những hình ảnh mới mẻ đầy sức sống, mang nhiều tầng lớp ý nghĩa. Trên cơ sở kết hợp giữa hiện đại và truyền thống, thơ Bích Khê đạt đến cái đẹp chân thật, thuần túy, làm say lòng người.